

Bản án số: 15/2019/HNGĐ – ST
Ngày 25/10/2019
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lý Thị Dung.

- Bà Đinh Thị Lưu.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2019/TLST – HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST – DS, ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lò Thị H, (tên gọi khác: Lò Thị N), sinh năm 1985.

- Bị đơn: anh Đinh Văn T, sinh năm 1973.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Nà Kh (bản Nà Kh 1 cũ), xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Hai bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI D V U ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị H và anh T kết hôn với nhau vào ngày 01/3/2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Púng B, huyện Sốp C, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Qua quá trình chung sống cả hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian đến đầu năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh T hay uống rượu, không chịu lao động làm ăn, thường xuyên chửi bới vợ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại, bạn bè khuyên giải nhưng không thành. Từ đầu năm 2019 đến nay thì anh chị ly thân nhau, trong thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Đinh Thị Hồng D, sinh ngày 02/10/2005, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H có đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn anh Đinh Văn T trình bày:

Về thời gian kết hôn và nơi kết hôn thì anh nhất trí như chị H đã trình bày. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị H đi buôn bán, không chuyên tâm về gia đình, bỏ bê nhà cửa, chồng con và thường xuyên đi sớm về khuya, tuy nhiên những mâu thuẫn này không quá nghiêm trọng, bản thân anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái, tiếp tục cuộc sống hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Đinh Thị Hồng D, sinh ngày 02/10/2005, nếu ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tại ý kiến của anh T tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/8/2019 anh T có đề nghị chia đôi số tài sản chung là số tiền tiết kiệm gửi tại ngân hàng, do chị H là người gửi và chia đôi giá trị mảnh đất vườn do chị H mua tại xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 19/9/2019 anh T thay đổi ý kiến và có đề nghị tự thỏa thuận giải quyết về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Bản tự khai chị H, anh T; Trích lục kết hôn (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân chị H, anh T (bản sao); Giấy xác nhận của công an xã Gia Phù; Giấy khai sinh cháu D (bản sao); Văn bản trình bày ý kiến, đề ngày 19/9/2019 của anh T;

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh ngày 16/8/2019 tại Chi hội phụ nữ bản Nà Kh và Trưởng bản Nà Kh, xã Gia Phù, huyện Phù Yên; Biên bản ghi ý kiến cháu D; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 184/2019/QĐ – CCTLCC, ngày 03/9/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, điều 56, điều 59; điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị H, đề nghị xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Đinh Văn T. Giao cháu Đinh Thị Hồng D cho anh Đinh Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chấp nhận đề nghị của anh T về việc không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chấp nhận sự tự nguyện giải quyết tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết của hai anh chị. Về nợ chung và tài sản riêng: Không có.

Chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lò Thị H và anh Đinh Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, có hộ khẩu, tài sản tại bản Nà Khảm, xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có tranh chấp về ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/8/2019 anh T có đề nghị chia đôi số tài sản chung là số tiền tiết kiệm gửi tại ngân hàng, do chị H là người gửi và chia đôi giá trị mảnh đất vườn do chị H mua tại xã Púng B, huyện Sốp C, tỉnh Sơn La, chị H không nhất trí với ý kiến của anh T và cho rằng chị không có khoản tiền tiết kiệm nào gửi tại ngân hàng và cũng không mua mảnh đất nào tại xã Púng B, huyện Sốp C, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 184/2019/QĐ-CCTLCC, ngày 03/9/2019 yêu cầu anh T cung cấp các tài liệu, căn cứ về việc chị H gửi

tiền tiết kiệm và mua đất, theo quy định tại điều 97 và điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị H và anh Đinh Văn T kết hôn với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Púng B, huyện Sốp C, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi, xúc phạm, không quan tâm đến nhau, hiện nay anh chị đang sống ly thân.

Xét thấy: Qua hai lần Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, tiếp tục cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn, anh T mong muốn đoàn tụ gia đình. Trong thời gian anh chị sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, hai anh chị không quan tâm đến nhau, anh T không có hướng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vẫn thường cãi chửi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đinh Thị Hồng D, sinh ngày 02/10/2005. Cả chị H và anh T đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Anh T hiện nay có công việc, thu nhập, nơi cư trú ổn định, trong thời gian chị H đi làm ăn xa nhà cháu D vẫn ở cùng anh T, vẫn tiếp tục đi học tại trường THPT trên địa bàn, ý kiến của cháu D có nguyện vọng được sống với anh T nên cần giao cháu Đinh Thị Hồng D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho cháu D và chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung của anh T.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày ý kiến tự thỏa thuận, giải quyết về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai, ý kiến của anh T tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/8/2019 anh T có đề nghị chia đôi số tài sản chung là số tiền tiết kiệm gửi tại ngân hàng, do chị H là người gửi và chia đôi giá trị mảnh đất vườn do chị H mua tại xã Púng B, huyện Sốp C, tỉnh Sơn La, chị H không nhất trí với ý kiến của anh T và cho rằng chị không có khoản tiền

tiết kiệm nào gửi tại ngân hàng và cũng không mua mảnh đất nào tại xã Púng B, huyện Sốp C, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 184/2019/QĐ-CCTLCC, ngày 03/9/2019 yêu cầu anh T cung cấp các tài liệu, căn cứ về việc chị H gửi tiền tiết kiệm và mua đất để làm căn cứ giải quyết vụ án, đến phiên hòa giải lần 2 ngày 19/9/2019 anh T rút yêu cầu của mình về việc đề nghị giải quyết về tài sản chung và tại phiên tòa anh T có ý kiến tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Cả hai anh chị đều có ý kiến tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản riêng và nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, điều 56, điều 59, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị H (tên gọi khác Lò Thị N) được ly hôn anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Hồng D, sinh ngày 02/10/2005 cho anh Đinh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu, quyển số: 075, số 0003732, ngày 29/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Nguyên đơn chị Lò Thị H, bị đơn anh Đinh Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 25/10/2019;

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã Púng B, huyện Sốp C;
- (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS; AV;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Lương Anh